

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Nguyễn Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T - sinh năm 1985

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà E, tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng L – sinh năm 1985

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà E, tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2025, bản tự khai ngày 19/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Hoàng L kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở cả hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, ông là bộ đội còn bà L là giáo viên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng khác nhau về thời gian làm việc, chung sống không hòa hợp. Vợ chồng ông đã ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không đạt được mục đích. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Nhật A - Sinh ngày 12/02/2015 (Giới tính: Nam)
2. Nguyễn Diệp Chiêu A1 - Sinh ngày 23/12/2019 (Giới tính: Nữ)

Khi ly hôn, bà L sẽ là người trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/con/tháng (1.000.000đ/con/ tháng).

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2025, bị đơn Nguyễn Thị Hoàng L trình bày:

Khẳng định về quan hệ hôn nhân, thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn hoàn toàn phù hợp với những nội dung như ông T đã trình bày. Bà L xác nhận vợ chồng bà đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2025 đến nay, quá trình ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Ông Nguyễn Xuân T1 yêu cầu ly hôn, bà nhất trí.

Về con chung:

Trường hợp ly hôn, bà nhất trí với yêu cầu của ông T1, bà sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Nhật A - Sinh ngày 12/02/2015 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Diệp Chiêu A1 - Sinh ngày 23/12/2019 (Giới tính: Nữ) đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/con/tháng (1.000.000đ/con/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, 49 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51, 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hai bên đương sự có đôn đốc xin xét xử vắng mặt, toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng ông T1 - bà L là hợp pháp, có hai con chung, ông T1 cho rằng vợ chồng đã có mâu thuẫn nhiều lần, chung sống không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L nhất trí với yêu cầu khởi kiện ly hôn, khi ly hôn bà nhất trí trực tiếp nuôi con chung với mức cấp dưỡng của ông T1 là 2.000.000đ/tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật A - Sinh ngày 12/02/2015 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Diệp Chiêu A1 - Sinh ngày 23/12/2019 (Giới tính: Nữ) cho bà Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/con/tháng (1.000.000đ/con/ tháng) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác nhận có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung, Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” với bà Nguyễn Thị Hoàng L – Đăng ký thường trú: Tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn Nguyễn Xuân T đã có đơn yêu cầu vắng mặt tất cả các hoạt động tố tụng tại Tòa án, có bản tự khai, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án. Bị đơn Nguyễn Thị Hoàng L đã có đơn yêu cầu vắng mặt tất cả các hoạt động tố tụng tại Tòa án, có bản tự khai. Cả hai đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị Hoàng L kết hôn ngày 19 tháng 5 năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hai bên đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về thói quen sinh hoạt, làm việc, đời sống không hòa hợp. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà L đã không chung sống từ khoảng cuối năm 2024 đến nay. Ông T cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Bà L nhất trí ly hôn với ông T. Do hai vợ chồng không thực hiện quyền, nghĩa vụ, không chăm sóc nhau trong cuộc sống hàng ngày, không còn tình cảm nên không thể tồn tại đời sống chung của vợ chồng; ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Nhật A - Sinh ngày 12/02/2015 (Giới tính: Nam)
2. Nguyễn Diệp Chiêu A1 - Sinh ngày 23/12/2019 (Giới tính: Nữ)

Các đương sự đều đã thống nhất bà L sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000đ/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, cần ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Các bên đương sự xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự đều xác nhận nợ chung không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân T.

Xử: Ông Nguyễn Xuân T được ly hôn bà Nguyễn Thị Hoàng L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung: Nguyễn Nhật A - Sinh ngày 12/02/2015 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Diệp Chiêu A1 - Sinh ngày 23/12/2019 (Giới tính: Nữ) cho bà Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000đ/con/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu; Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ngoài ra, phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ nhà nước. Tổng số tiền án phí mà ông T phải nộp là 600.000 đồng (sáu

trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001243 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Chi cục Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lương Thị Hợp